|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2020/QĐ-UBND | *Quảng Bình, ngày tháng năm 2020* |

**DỰ THẢO**

**Lần 2**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đến năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm Pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Bình tại Tờ trình số …./TTr-SNN ngày … tháng … năm 2020,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đến năm 2030 gồm các nội dung sau:

**1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

 ***a) Phạm vi điều chỉnh***

Quyết định này quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đến năm 2030.

 ***b) Đối tượng áp dụng***

Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước có liên quan đến hoạt động sản xuất chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

**2. Quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đến năm 2030**

Tại điểm c khoản 2, Điều 22 và Phụ lục VI của Nghị định 13/2020/NĐ-CP quy định mật độ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2030 không vượt quá 1,0 đơn vị vật nuôi/ha đất nông nghiệp.

Căn cứ vào tình hình chăn nuôi (quy mô, khả năng ứng dụng khoa học, công nghệ, môi trường sinh thái), diện tích, hiện trạng, tình hình sử dụng đất nông nghiệp, mật độ chăn nuôi của các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình đến năm 2030 được quy định cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa phương** | **Mật độ chăn nuôi tháng 4 năm 2020 (ĐVN/ha)** | **Mật độ chăn nuôi năm 2030 (ĐVN/ha)** |
| 1 | Huyện Lệ Thủy | 0,19 | 1,0 |
| 2 | Huyện Quảng Ninh | 0,12 | 0,6 |
| 3 | Thành phố Đồng Hới | 0,55 | 1,0 |
| 4 | Huyện Bố Trạch | 0,18 | 1,0 |
| 5 | Huyện Quảng Trạch | 0,64 | 1,2 |
| 6 | Thị xã Ba Đồn | 0,50 | 1,0 |
| 7 | Huyện Tuyên Hóa | 0,17 | 1,0 |
| 8 | Huyện Minh Hóa | 0,11 | 0,75 |

**3. Tổ chức thực hiện**

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra quá trình tổ chức thực hiện quy định này ở các địa phương; chủ trì, phối hợp với đơn vị liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung mật độ chăn nuôi của các huyện, thành phố, thị xã trong tỉnh trong trường hợp cần thiết.

b) Các Sở, ngành liên quan: Căn cứ Quyết định này triển khai thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền.

c) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

- Căn cứ quy định mật độ chăn nuôi của UBND tỉnh quy định quy mô chăn nuôi phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Thẩm định yêu cầu về mật độ chăn nuôi của các dự án đầu tư chăn nuôi quy mô trang trại trên địa bàn huyện, thành phố, thị xã.

- Tổ chức tuyên truyền quy định này cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động chăn nuôi tại địa phương.

- Phối hợp cùng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định mật độ chăn nuôi trong trường hợp cần thiết.

 d) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động sản xuất chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình phải đáp ứng yêu cầu về mật độ chăn nuôi quy định tại mục 2, Điều 1 của Quyết định này và tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động chăn nuôi.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực từ ngày …. tháng …. năm 2020.

**Điều 3.** Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh cần điều chỉnh đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp cần sửa đổi, bổ sung mật độ chăn nuôi của các huyện, thành phố, thị xã, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung theo trình tự, thủ tục rút gọn./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Nông nghiệp và PTNT;- Cục kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;- Cục Chăn nuôi - Bộ NN&PTNT;- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;- UBMTTQ VN tỉnh;- CT, các PCT UBND tỉnh;- Trung tâm tinh học tỉnh; Công báo tỉnh;- Báo Quảng Bình; Đài PT - TH Quảng Bình;- Lưu: VT, KSTTHC, KGVX. | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH** |